GIỚI THIỆU HỆ THỐNG

- Sunmax PP-R là một nhãn hiệu nổi tiếng trong lĩnh vực ống nước và phụ kiện, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn CHLB Đức.
- Sunmax PP-R là biểu tượng mang lại những sản phẩm an toàn, chất lượng với những dịch vụ, sự chăm sóc dành cho khách hàng chu đáo và chuyên nghiệp.
- Chất lượng sản phẩm được kiểm soát theo hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001 - 2000.
- Nhà máy có quy trình sản xuất khép kín từ nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm có chất lượng cao.
- Lắp đặt nhanh gọn, vận chuyển nhẹ nhàng, lưu kho thuận tiện là những đặc tính cơ bản làm cho Sunmax PP-R mang tính đổi mới và cải tiến không ngừng.
- Bảo hành sản phẩm 10 năm.

ĐẶC TÍNH ƯU VIỆT

1. NGUYÊN LIỆU:

- PP-R được làm từ High Molecular Weight Polypropylene Random Copolymers đặc biệt thích hợp trong điều kiện môi trường với nhiệt độ cao (từ 70°C - 110°C) và áp suất 25 Bar. Được sản xuất theo tiêu chuẩn của CHLB Đức. Nguyên liệu sản xuất do hãng SKChem (made in KOREA) cung cấp. Độ bền trên 50 năm.

2. VỆ SINH AN TOÀN:

- Không gây độc hại, không bị đóng cặn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

4. ĐỘ BỀN CAO:

- Độ bền trên 50 năm. Chống mài mòn do các ion nước và hoá chất.

5. CÁCH ÂM TỐT:

- Giữ nhiệt, tiết kiệm năng lượng và không tạo ra tiếng ồn.

6. DỄ VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT, THI CÔNG:

- Trọng lượng nhẹ hơn so với hệ thống bằng kim loại (1/9 trọng lượng của thép), dễ thi công, lắp đặt.
- Tiết kiệm nhân công.

CÁC LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

1. XÂY DỰNG DÂN DỤNG

- Dùng để dẫn nước nóng, lạnh trong sinh hoạt.

2. CÔNG NGHIỆP

- Dùng để dẫn dầu, chất lỏng ăn mòn cao, dung dịch dinh dưỡng, thực phẩm.

3. NÔNG NGHIỆP

- Dùng để dẫn nước tưới tiêu

4. Y TẾ

- Dùng cho hệ thống cấp nước sạch tại các bệnh viện.

5. HỆ THỐNG ĐIỀU HOÀ

- Dùng làm đường ống cho hệ thống điều hoà.

6. PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

- Dùng để dẫn dầu, khí

7. NĂNG LƯỢNG

- Dùng cho hệ thống ống của các nhà máy sử dụng năng lượng mặt trời.

ỐNG SUNMAX PP-R KHÁNG KHUẨN

- Đây là dòng sản phẩm ống cấp nước ứng dụng công nghệ hiện đại trên thế giới, lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam.
- Công nghệ Nano Silver kháng khuẩn: trong thành phần ống chứa các phân tử bạc (ion Ag+) có tác dụng khử hoạt tính protein trên màng tế bào vi khuẩn. Vì vậy, ống Sunmax PP-R Nano Silver có khả năng kháng khuẩn rất hữu hiệu. ion Ag+ có vai trò ngăn chặn sự lan truyền của vi khuẩn một cách hiệu quả và có tác dụng lâu bền.
- Ống Sunmax PP-R kháng khuẩn được chế tạo bởi hai lớp, làm tăng thêm khả năng chịu áp lực.
- Ống Sunmax PP-R kháng khuẩn có ứng dụng to lớn trong các lĩnh vực y tế, sức khỏe công đồng và đặc biệt thân thiện với cuộc sống.

Kháng khuẩn kháng bệnh - Sứ mệnh tiên phong

ỐNG NƯỚC PP-R KHÁNG KHUẨN

Tên sản phẩm - Hình ảnh	Mã hàng	Kích thước (Ø)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
ỐNG NƯỚC LẠNH (PN10)	SXLK2023	20 x 2.30	Mét	23.900
	SXLK2528	25 x 2.80	Mét	42.800
	SXLK3229	32 x 2.90	Mét	57.700
	SXLK4037	40 x 3.70	Mét	75.900
	SXLK5046	50 x 4.60	Mét	111.800
ỐNG NƯỚC NÓNG (PN20)	SXNK2034	20 x 3.40	Mét	30.200
	SXNK2542	25 x 4.20	Mét	49.500
	SXNK3254	32 x 5.40	Mét	85.000
	SXNK4067	40 x 6.70	Mét	128.000
	SXNK5083	50 x 8.30	Mét	187.000
ỐNG NƯỚC LẠNH CỠ LỚN (PN10)	SXL6358	63 x 5.80	Mét	179.000
	SXL7568	75 x 6.80	Mét	298.000
	SXL9082	90 x 8.20	Mét	430.000
	SXL11010	110 x 10.0	Mét	640.000

PHỤ KIỆN LẮP RÁP PP-R

Tên sản phẩm - Hình ảnh	Mã hàng	Kích thước (Ø)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MĂNG SÔNG	SXMS3020	20	Chiếc	3.500
	SXMS3025	25	Chiếc	4.950
	SXMS3032	32	Chiếc	8.500
	SXMS3040	40	Chiếc	12.900
	SXMS3050	50	Chiếc	23.000
	SXMS3063	63	Chiếc	49.800
	SXMS3075	75	Chiếc	77.700
	SXMS3090	90	Chiếc	136.400
	SXMS30110	110	Chiếc	218.900
MĂNG SÔNG THU / CÔN THU	SXCS2520	25/20	Chiếc	5.200
	SXCS3220	32/20	Chiếc	8.900
	SXCS3225	32/25	Chiếc	8.900
	SXCS4020	40/20	Chiếc	11.500
	SXCS4025	40/25	Chiếc	11.500
	SXCS4032	40/32	Chiếc	11.500
	SXCS5020	50/20	Chiếc	19.200
	SXCS5025	50/25	Chiếc	19.200
	SXCS5032	50/32	Chiếc	19.200
	SXCS5040	50/40	Chiếc	19.200
	SXCS6325	63/25	Chiếc	39.900
	SXCS6332	63/32	Chiếc	39.900
	SXCS6340	63/40	Chiếc	39.900
	SXCS6350	63/50	Chiếc	39.900
	SXCS7550	75/50	Chiếc	117.000
	SXCS7563	75/63	Chiếc	117.000
	SXCS9063	90/63	Chiếc	158.000
	SXCS9075	90/75	Chiếc	158.000
	SXCS11075	110/75	Chiếc	222.000
	SXCS11090	110/90	Chiếc	222.000
T ĐỀU	SXCT3320	20	Chiếc	6.800
	SXCT3325	25	Chiếc	11.000
	SXCT3332	32	Chiếc	17.900
	SXCT3340	40	Chiếc	28.900
	SXCT3350	50	Chiếc	56.500
	SXCT3363	63	Chiếc	135.800
	SXCT3375	75	Chiếc	165.000
	SXCT3390	90	Chiếc	265.000
	SXCT33110	110	Chiếc	470.000

PHỤ KIỆN LẮP RÁP PP-R

Tên sản phẩm - Hình ảnh	Mã hàng	Kích thước (Ø)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
T THU	SXCT2520	25/20	Chiếc	10.500
	SXCT3220	32/20	Chiếc	18.500
	SXCT3225	32/25	Chiếc	18.500
	SXCT4020	40/20	Chiếc	42.500
	SXCT4025	40/25	Chiếc	42.500
	SXCT4032	40/32	Chiếc	42.500
	SXCT5020	50/20	Chiếc	72.000
	SXCT5025	50/25	Chiếc	72.000
	SXCT5032	50/32	Chiếc	72.000
	SXCT5040	50/40	Chiếc	72.000
	SXCT6325	63/25	Chiếc	130.000
	SXCT6332	63/32	Chiếc	130.000
	SXCT6340	63/40	Chiếc	130.000
	SXCT6350	63/50	Chiếc	130.000
	SXCT7550	75/50	Chiếc	179.000
	SXCT7563	75/63	Chiếc	179.000
	SXCT9063	90/63	Chiếc	280.000
	SXCT9075	90/75	Chiếc	280.000
	SXCT11075	110/75	Chiếc	460.000
	SXCT11090	110/90	Chiếc	460.000
CÚT 90 ĐỘ	SXCC3120	20	Chiếc	6.000
	SXCC3125	25	Chiếc	7.500
	SXCC3132	32	Chiếc	14.000
	SXCC3140	40	Chiếc	22.500
	SXCC3150	50	Chiếc	39.500
	SXCC3163	63	Chiếc	126.000
	SXCC3175	75	Chiếc	158.000
	SXCC3190	90	Chiếc	250.000
	SXCC31110	110	Chiếc	440.000
CÚT 90 ĐỘ THU	SXGT2520	25/20	Chiếc	13.500
	SXGT3220	32/20	Chiếc	26.900
	SXGT3225	32/25	Chiếc	26.900
	SXGT4020	40/20	Chiếc	32.000
	SXGT4025	40/25	Chiếc	32.000
	SXGT4032	40/32	Chiếc	32.000
CHẾCH 45 ĐỘ	SXCC3220	20	Chiếc	5.300
	SXCC3225	25	Chiếc	8.200
	SXCC3232	32	Chiếc	12.000
	SXCC3240	40	Chiếc	22.500
	SXCC3250	50	Chiếc	47.500
	SXCC3263	63	Chiếc	98.000
	SXCC3275	75	Chiếc	155.000
	SXCC3290	90	Chiếc	188.000
	SXCC32110	110	Chiếc	325.000
MĂNG SÔNG REN TRONG	SXMT2012	20 x 1/2	Chiếc	38.000
	SXMT2512	25 x 1/2	Chiếc	47.000
	SXMT2534	25 x 3/4	Chiếc	53.500
	SXMT3210	32 x 1	Chiếc	99.000
	SXMT4025	40 x 1.1/4	Chiếc	215.000
	SXMT5050	50 x 1.1/2	Chiếc	289.000
	SXMT6320	63 x 2	Chiếc	565.000
	SXMT7525	75 x 2.1/2	Chiếc	825.000
	SXMT9075	90 x 3.1/2	Chiếc	1.600.000

SUNMAX AN TOÀN HÀNG ĐẦU, GIÁ TRỊ DÀI LÂU

PHỤ KIỆN LẮP RÁP PP-R

Tên sản phẩm - Hình ảnh	Mã hàng	Kích thước (Ø)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
MĂNG SÔNG REN NGOÀI	SXMN2012	20 x 1/2	Chiếc	47.500
	SXMN2512	25 x 1/2	Chiếc	55.500
	SXMN2534	25 x 3/4	Chiếc	67.500
	SXMN3210	32 x 1	Chiếc	118.000
	SXMN4025	40 x 1.1/4	Chiếc	290.000
	SXMN5050	50 x 1.1/2	Chiếc	369.000
	SXMN6320	63 x 2	Chiếc	636.000
	SXMN7525	75 x 2.1/2	Chiếc	890.000
	SXMN9075	90 x 3.1/2	Chiếc	1.750.000
T REN TRONG	SXTT2012	20 x 1/2	Chiếc	43.800
	SXTT2512	25 x 1/2	Chiếc	47.900
	SXTT2534	25 x 3/4	Chiếc	69.000
	SXTT3210	32 x 1	Chiếc	183.000
T REN NGOÀI	SXTN2012	20 x 1/2	Chiếc	53.500
	SXTN2512	25 x 1/2	Chiếc	58.000
	SXTN2534	25 x 3/4	Chiếc	69.800
	SXTN3210	32 x 1	Chiếc	199.000
CÚT REN TRONG	SXCO2012	20 x 1/2	Chiếc	41.900
	SXCO2512	25 x 1/2	Chiếc	47.000
	SXCO2534	25 x 3/4	Chiếc	67.900
	SXCO3210	32 x 1	Chiếc	141.000
CÚT REN NGOÀI	SXCN2012	20 x 1/2	Chiếc	60.000
	SXCN2512	25 x 1/2	Chiếc	68.000
	SXCN2534	25 x 3/4	Chiếc	83.000
	SXCN3210	32 x 1	Chiếc	162.700
RẮC CO REN TRONG	SXRT2012	20 x 1/2	Chiếc	99.000
	SXRT2534	25 x 3/4	Chiếc	150.000
	SXRT3210	32 x 1	Chiếc	220.900
	SXRT4025	40 x 1.1/4	Chiếc	350.000
	SXRT5050	50 x 1.1/2	Chiếc	565.000
	SXRT6320	63 x 2	Chiếc	840.000
RẮC CO REN NGOÀI	SXRN2012	20 x 1/2	Chiếc	102.000
	SXRN2534	25 x 3/4	Chiếc	165.000
	SXRN3210	32 x 1	Chiếc	245.000
	SXRN4025	40 x 1.1/4	Chiếc	345.000
	SXRN5050	50 x 1.1/2	Chiếc	615.000
	SXRN6320	63 x 2	Chiếc	890.000
ĐẦU BỊT REN NGOÀI ĐẦU BỊT NGOÀI	SXDR2012	20 x 1/2	Chiếc	7.200
	SXDR2534	25 x 3/4	Chiếc	8.300
	SXDB6020	20	Chiếc	3.900
	SXDB6025	25	Chiếc	5.200
	SXDB6032	32	Chiếc	7.200
	SXDB6040	40	Chiếc	12.000
	SXDB6050	50	Chiếc	21.000
	SXDB6063	63	Chiếc	37.000

PHỤ KIỆN LẮP RÁP PP-R

Tên sản phẩm - Hình ảnh	Mã hàng	Kích thước (Ø)	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
RẮC CO NHỰA	SXRC4220	20	Chiếc	39.500
	SXRC4125	25	Chiếc	59.000
	SXRC4132	32	Chiếc	82.000
	SXRC4140	40	Chiếc	95.000
	SXRC4150	50	Chiếc	140.000
ỐNG CONG (CẦU VƯỢT)	SXOT6120	20	Chiếc	23.000
	SXOT6125	25	Chiếc	40.000
	SXOT6132	32	Chiếc	74.000
ỐNG CONG CÓ MĂNG SÔNG 2 ĐẦU (CẦU VƯỢT)	SXOV6120	20	Chiếc	28.000
	SXOV6125	25	Chiếc	45.000
	SXOV6132	32	Chiếc	82.000
VAN CHẶN TAY CHỤP	SXVC4020	20	Chiếc	155.000
	SXVC4025	25	Chiếc	198.000
	SXVC4032	32	Chiếc	235.000
	SXVC4040	40	Chiếc	350.000
	SXVC4050	50	Chiếc	600.000
	SXVC4063	63	Chiếc	960.000
	SXVC4075	75	Chiếc	1.250.000
	SXVC4090	90	Chiếc	1.950.000
VAN INOX	SXVCI4020	20	Chiếc	290.000
	SXVCI4025	25	Chiếc	365.000
	SXVCI4032	32	Chiếc	375.000
VAN BI NHỰA TAY GẠT	SXVN5120	20	Chiếc	165.000
	SXVN5125	25	Chiếc	225.000
	SXVN5132	32	Chiếc	250.000
VAN CỬA CỔNG (NEW)	SXVM3020	20	Chiếc	218.000
	SXVM3025	25	Chiếc	260.000
	SXVM3032	32	Chiếc	350.000
ỐC BẮT BÌNH NÓNG LẠNH	NXNL2012	20 x 1/2	Chiếc	45.000
	NXNL2034	20 x 3/4	Chiếc	54.000
	NXNL2534	25 x 3/4	Chiếc	64.000
BỘ CHỜ PHỤ KIỆN	SXHC2012	20 x 1/2	Bộ	190.000
KÌM CẮT ỐNG	SXKC2040	20 - 40	Chiếc	330.000
MÁY HÀN NHIỆT	SXHN2040	20 - 40	Bộ	1.800.000
	SXHN2063	20 - 63	Bộ	2.600.000
	SXHN75110	75 - 110	Bộ	3.850.000

NHỮNG CHỨNG NHẬN ĐÃ ĐẠT DƯỢC

CHỨNG NHẬN CỦA TỔ CHỨC SGS (THỤY SỸ)
(Khả năng kháng khuẩn)

HƯỚNG DẪN CÁCH LẮP ĐẶT

Kết nối nhanh chóng, chắc chắn bằng kỹ thuật hàn nóng chảy

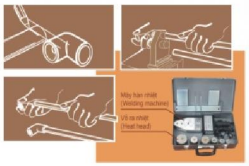

1. CHUẨN BỊ DỤNG CỤ:
- Máy hàn nhiệt (chuyên dụng cho PP-R).
- Vỏ gia nhiệt.
- Kéo cắt ống (chuyên dụng cho PP-R).
- Thước, bút.

2. CẮT ỐNG:
- Đo và dùng kéo cắt theo chiều vuông góc với thành ống.

3. VỆ SINH:
- Vệ sinh sạch sẽ bề mặt ống và phụ kiện cần lắp ráp. Tránh bụi bẩn, vết dầu mỡ,... làm ảnh hưởng đến chất lượng mối hàn.

4. ĐÁNH DẤU ĐỘ SÂU MỐI HÀN:
- Dùng bút và thước đánh dấu chiều sâu điểm nối.

5. GIA NHIỆT:
- Nối máy hàn với ổ điện 220V.
- Khi đèn báo xanh (nhiệt độ khoảng 260°C), tra ống nối và phụ kiện vào vỏ gia nhiệt ở chiều sâu được đánh dấu.
- Duy trì thời gian gia nhiệt theo bảng tiêu chuẩn kỹ thuật nối ống SUNMAX PP-R.
- Rút ống nối và phụ kiện ra khỏi máy hàn.

6. NỐI ỐNG:
- Tra ống vào phụ kiện dọc theo trục ống (không được xoay).
- Duy trì đủ thời gian làm nguội theo bảng tiêu chuẩn kỹ thuật nối ống SUNMAX PP-R.

BẢNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT NỐI ỐNG PP-R SUNMAX

Đường kính ngoài ống (mm)	Độ sâu khoảng nối (mm)	Thời gian gia nhiệt (giây)	Thời gian ống nối (giây)	Thời gian làm lạnh (giây)
20	14	5	4	2
25	15	7	4	2
32	16.5	8	6	4
40	18	12	6	4
50	20	18	6	4
63	24	24	8	6